TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2022/DS-PT
Ngày 21-11-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Anh Ửng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:* Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Huyền D

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Tvà bà Hoàng Thị T1

Địa chỉ: Số 64 Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông Nguyễn Đức D.

Địa chỉ: 159 Lê Thánh Tông, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Huyền D trình bày:

Ngày 08/4/2019, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị T1 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), hai bên có có lập giấy viết tay và cùng ký vào giấy vay tiền. Lãi suất các bên thỏa thuận là 12,6%/năm, tiền lãi phải

trả vào mồng 7 hàng tháng. Quá trình thực hiện, vợ chồng ông T, bà T1 chỉ trả đúng 01 tháng tiền lãi vào ngày 08/5/2019, sau đó không trả nữa. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng ông T, bà T1 vẫn chây ì không chịu trả. Vì vậy vào ngày 13/4/2020, bà đã khởi kiện lần thứ nhất ra Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tuy nhiên để củng cố chứng cứ, bà đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 10/2020/QĐST-DS ngày 28/5/2020. Ngày 12/6/2020, bà đã làm lại đơn khởi kiện và được Tòa thụ lý và giải quyết trong vụ án này, nội dung yêu cầu khởi kiện của bà cụ thể như sau: Nợ gốc: 300.000.000đ; nợ lãi: tính từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 08/5/2019 cho đến ngày xét xử, ngoài ra còn buộc ông T, bà T1 trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ nợ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày*: Bà Hoàng Thị T1 là em ruột ông Hoàng Văn S. Vợ chồng ông Hoàng Văn S, bà Đinh Thị H là chủ nhà xe Hoàng S. Do công việc làm ăn kinh doanh thua lỗ nên vào năm 2018-2019, vợ chồng ông S, bà H có bàn giao toàn bộ quyền điều hành, quản lý nhà xe Hoàng S và Công ty TNHH Minh Quý cho ông Trần Thế D quản lý và kinh doanh. Khi tiếp quản nhà xe Hoàng S trong năm 2019, ông D có đưa chị Trần Thị Huyền D vào làm công việc kế toán, thủ quỹ, quản lý sổ sách cho nhà xe Hoàng S dưới quyền chỉ đạo của ông D.

Vì cần tiền trả nợ, nên vào đầu tháng 4 năm 2019 ông T, bà T1 có đòi ông S số tiền 300.000.000đ để trả một phần nợ do trước đó vợ chồng ông T, bà T1 có cho ông S, bà H vay số tiền hơn 30 tỷ, lúc này ông S nói với bà T1, ông Tlà xuống gặp chị Trần Thị Huyền D để nhận trước 300.000.000đ, sau đó ông S sẽ trả thay cho ông D, nghe vậy ông T, bà T1 gặp chị D và lấy số tiền 300.000.000đ là số tiền mà ông S ứng trước từ ông D để trả nợ cho ông T, bà T1. Đến ngày 03/6/2019 ông S đã trả nợ, thanh toán cho ông D số tiền mà ông T, bà T1 đã nhận trước đó.

Trước yêu cầu khởi kiện của chị D, ông T, bà T1 không đồng ý, bởi lẽ: Số tiền trên không phải là số tiền của chị D, giữa ông T, bà T1 và chị D không có quan hệ quen biết, làm ăn gì. Ông T, bà T1 không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là của mình mà chị D cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, T1 Đắk Nông đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huyền D;

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị Huyền D tổng số tiền nợ gốc: 300.000.000đ; nợ lãi: 94.620.000đ.

Tổng cộng: 394.620.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 8 năm 2022 bị đơn bà Hoàng Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Hoàng Thị T1 giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Bà Trần Thị Huyền D cung cấp cho Tòa án tài liệu thể hiện: "*Ngày 08/4/2019 tôi là Trần Thị Huyền D, CMND245354824 có cho vợ chồng anh T, chị T1 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) với lãi suất 12,6%/năm. Lãi hàng tháng trả vào ngày 7* ", có chữ ký của ông Nguyễn Văn Tvà bà Hoàng Thị T1. Do đó, đây được xem là chứng cứ của vụ án và xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng số tiền 300.000.000đ thực chất là khoản tiền ông S ứng từ ông Trần Thế D để trả nợ cho ông T, bà T1. Tuy nhiên ông D và bà D không thừa nhận điều này. Kết luận giám định số 157/GĐTL-PC09 ngày 06/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đăk Nông đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Thị T1 và Nguyễn Văn Ttrên tài liệu cần giám định ...so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị T1 và Nguyễn Văn Ttrên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Mặt khác ngày 08/5/2019 bà T1 đã thừa nhận số tiền nợ nên đã trả lãi cho bà D số tiền 3.150.000 đồng trên số tiền nợ gốc và có chữ ký của bà T1. Do đó, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Có căn cứ khẳng định ngày 08/4/2019 ông Tvà bà T1 có vay số tiền 300.000.000 đồng của bà D.

[2.2]. Về số tiền đã trả: Bà D cho rằng ngày 08/5/2019 bà T1 mới chỉ trả cho bà được số tiền 3.150.000 đồng là số tiền lãi suất chứ không phải tiền gốc, do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số nợ vay gốc 300.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] .Về số tiền lãi: giấy vay tiền ngày 08/4/2019 mà nguyên đơn cung cấp không thể hiện thời hạn trả nợ do đó cần xác định hợp đồng vay là không có thời hạn nhưng có thỏa thuân lãi suất 12,6 %. Tại cấp sơ thẩm bà D yêu cầu mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng) nên thời điểm để tính lãi suất kể từ ngày vay 08/4/2019 đến ngày xét xử là 39 tháng, trừ đi 01 tháng bà D đã nhận

tiền lãi, còn lại là 38 tháng: 300.000.000đ x 0,83%/tháng x 38 tháng = 94.620.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng hai khoản: 394.620.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm phía bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm; xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huyền D;

1. Buộc ông Nguyễn Văn Tvà bà Hoàng Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị Huyền D tổng số tiền là: 394.620.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) trong đó: số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi: 94.620.000đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị Huyền D số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí trưng cầu giám định, mà bà D đã nộp tạm ứng tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thi T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.731.000đ (mười chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng)

Hoàn trả bà Trần Thị Huyền D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.523.500đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002991 ngày 22/7/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003915 ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Lê Văn Hữu